

Bản án số: 691/2020/HC-PT

Ngày 16/11/2020

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành
chính về lĩnh vực quản lý đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Vân

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Lê Thành Long

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 421/2020/TLPT-HC ngày 10 tháng 8 năm 2020 về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2020/HC-ST ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 39231/2020/QĐ-PT ngày 23 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1954 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn 2, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: 16/15/11/X, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V.

Địa chỉ: Số 89, đường L, Phường 1, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Lê Mạnh D - Viên chức Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố V (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân thành phố V.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn L - Chủ tịch (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 89, đường L, Phường 1, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Nguyễn Văn K.

- Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 25-11-1991, Ủy ban nhân dân xã L lập Biên bản v/v bàn giao đùng khu vực 390ha (từ Rạch Đà thôn II đến ông Lữ thôn 8), theo đó có nội dung: *“Tiến hành giao đùng, sang nhượng cho chủ đùng cũ là ông Nguyễn Văn K, thôn 2, tổng diện tích đùng 14,45ha, trong đó diện tích nuôi (diện tích mặt nước bình quân) 5,5ha. Số tiền thanh toán 5,5ha X 650.000 đ/ha, thành tiền 3.575.000đ, thanh toán làm 3 đợt, đợt 3 nộp vào ngày 25-12-1991, nếu ngày 25/12/1991 ông K không nộp đủ, UBND xã thì sẽ thu hồi đùng, trả lại tiền đã nộp và giao bán lại đùng cho người khác, ông không được quyền khiếu nại. Diện tích ông K nhận là đúng với diện tích đùng cũ của ông”*, biên bản có đại diện UBND xã, chủ hộ đùng, tổ trưởng ký.

Ông K mới thanh toán 2 đợt với số tiền 1.690.000 đồng; đợt 3 ông K chưa nộp.

Theo Hồ sơ địa chính lập năm 1995, ông K kê khai đất NTTS là 157,303m², gồm 05 thửa, tờ bản đồ số 13.

Năm 2002, ông K sang nhượng cho ông Vương Thanh B diện tích 02ha, làm giấy viết tay chia cho các con: Lưu Văn B 3,5ha; Lưu Thị Ch 2,8ha; Nguyễn Hoàng S 2,5ha.

Giai đoạn năm 2007-2009, thực hiện dự án Căn cứ Hải quân, Nhà nước đã ban hành các quyết định thu hồi, bồi thường cho ông B, ông B2, bà Ch, ông K toàn bộ diện tích đất chuyển nhượng, phân chia nêu trên (phần đất ông S được chia thì vẫn canh tác chung với ông K).

Ngày 26-3-2014, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 771/QĐ-UBND (Quyết định 771) về việc thu hồi 42.823,1m² đất tại xã L, thành phố V do ông Nguyễn Văn K đang sử dụng để thực hiện dự án: Khu tổ hợp Hóa dầu Miền Nam, xã L, thành phố V (trong đó có diện tích 37.277m² đất NTTS trên).

Ngày 13-6-2014, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 1991/QĐ-UBND (Quyết định số 1991) về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Nguyễn Văn K: Diện tích đất thu hồi 42.823m², được bồi thường hỗ trợ cho 5.546m² đất đã được UBND thành phố V cấp giấy ngày 25-4-1998 (gồm 250m² đất ở và 5.296m² đất nông nghiệp); *không bồi thường, hỗ trợ 37.277m² đất NTTS do vượt hạn mức* và giao 01 lô đất tái định cư.

Không đồng ý với Quyết định số 1991 v/v không bồi thường, hỗ trợ 37.277m² đất NTTS, ông K làm đơn khiếu nại.

Ngày 10-12-2014, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 4841/QĐ-

UBND điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 771, nội dung: Thay đổi diện tích đất thu hồi từ 42.823,1m² xuống 40.552,5m². Lý do: Do niềm yết Quyết định số 771, Trung tâm phát triển quỹ đất nhận được thông tin phản hồi ông K đã chuyển nhượng một phần diện tích cho ông Nguyễn Văn G và ông Nguyễn Văn Đ trước đó và do Bản đồ thu hồi đất có sự thay đổi.

Ngày 14-01-2015, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 136/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông K, có nội dung:

- *Bác khiếu nại của ông K v/v đề nghị tách riêng diện tích 2,5ha đất để bồi thường cho Nguyễn Hoàng S.*

- *Chấp nhận khiếu nại của ông Nguyễn Văn K về yêu cầu bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 36.474,2m² đất nuôi trồng thủy sản thuộc Khu tổ hợp hóa dầu Miền Nam, xã L, thành phố V.*

Ngày 10-7-2015, UBND thành phố V ban hành Quyết định 3187/QĐ-UBND (Quyết định số 3187) v/v phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho hộ ông Nguyễn Văn K. Theo đó, chỉ hỗ trợ diện tích 36.474,2m² đất nuôi trồng hải sản vị trí 4, khu vực 3 bằng 01 lần giá đất nông nghiệp theo Bảng giá các loại đất của UBND tỉnh ban hành (theo văn bản số 1855/UBND-VP ngày 25-3-2015 của UBND tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu).

Không đồng ý với Quyết định số 3187, ông K làm đơn khiếu nại.

Ngày 18-01-2019, Chủ tịch UBND thành phố V có Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 276/QĐ-UBND (Quyết định số 276) có nội dung:

- *Bác nội dung đơn khiếu nại của ông K yêu cầu bồi thường diện tích 36.474,2m² đất ông K nhận chuyển nhượng từ Xí nghiệp Liên doanh nuôi trồng thủy sản Vũng Tàu, trong đó bồi thường riêng cho ông Nguyễn Hoàng Sang diện tích 25.203m² đất nuôi trồng thủy sản và bồi thường cho ông Nguyễn Văn K diện tích 12.074m².*

- *Giữ nguyên quyết định số 1991/QĐ-UBND ngày 13-6-2014 và Quyết định số 3187/QĐ-UBND ngày 10-7-2015 của UBND thành phố V.*

Ngày 07-12-2019, ông K làm đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 276; Buộc UBND thành phố V phải bồi thường diện tích 36.474,2m² cho ông K theo quy định.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện trình bày:

Về nguồn gốc đất, quá trình thu hồi, bồi thường:

Năm 1991 ông K nhận chuyển nhượng của Xí nghiệp Liên doanh nuôi trồng thủy sản Vũng Tàu diện tích 14,45ha đất nuôi trồng thủy sản với số tiền 3.575.000 đồng. Việc thanh toán được nộp làm 3 đợt, ông K mới thanh toán 2 đợt với số tiền 1.690.000 đồng; đợt 3 ông K không nộp được vì Xí nghiệp giải thể và khi ông K đến UBND xã nộp thì UBND xã không thu (ông K không có biên bản giấy tờ gì về việc có đến UBND xã L nộp tiền, nhưng được cán bộ địa chính xã L xác nhận tại Biên bản đối thoại ngày 05-12-2018 là từ năm 1992 xã

không thu tiền của bất cứ ai do Ủy ban tỉnh có chủ trương đấu giá đối với diện tích đất của XNLDNTTS). Ông K sử dụng toàn bộ diện tích đất trên liên tục ổn định, kê khai đăng ký, không bị thu hồi hay bị cơ quan nào xử phạt, không tranh chấp với ai.

Do đó, khi Nhà nước thu hồi 36.474,2m² đất thì phải được bồi thường chứ không phải chỉ hỗ trợ về đất. Vì vậy, buộc UBND thành phố V phải bồi thường diện tích 36.474,2m² cho ông K theo quy định pháp luật đất đai.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án UBND thành phố V trình bày:

Nguồn gốc 36.474,2m² đất trong tổng số 14,45ha do ông K nhận chuyển nhượng của Xí nghiệp Liên doanh nuôi trồng thủy sản Vũng Tàu từ năm 1991 để nuôi thủy sản với số tiền 3.575.000 đồng. Ông K mới thanh toán được 2 đợt với tổng số tiền 1.690.000 đồng, còn đợt 3 chưa thanh toán.

Năm 2002 ông K sang nhượng cho ông Vương Thanh B diện tích 20.000m² và chia đất cho các con (bằng giấy tay) gồm: ông Lưu Văn B2 diện tích 3,5ha; bà Lưu Thị C diện tích 2,8ha và ông Nguyễn Hoàng S diện tích 2,5ha. Phần đất của ông B, ông B2 và bà C có đắp bờ và sử dụng riêng từ năm 2002 đến nay. Phần đất được chia ông S vẫn canh tác chung với bố mẹ.

Năm 2007 đến năm 2009, Nhà nước thu hồi 111.836,9m² đất nuôi trồng thủy sản thuộc 14,45ha đất nêu trên của ông K và bồi thường cho ông Vương Thanh B 20.000m² đất; bồi thường cho ông K 30.000m² đất; bồi thường cho ông B 30.000m² đất; bồi thường cho bà Chén 30.000m² đất.

Như vậy khi thực hiện dự án Căn cứ Hải quân Nhà nước đã bồi thường 110.000m² (11ha) đất nuôi trồng hải sản cho ông Nguyễn Văn K.

Ngày 13-6-2014, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 1991 thu hồi 42.823m² đất của ông K, trong đó có 37.277m² đất nuôi trồng thủy sản. Ông K được bồi thường 5.546m² đất gồm 250m² đất ở và 5.296 m² đất nông nghiệp; hỗ trợ diện tích 1.500m²; riêng diện tích 37.277m² đất nuôi trồng thủy sản thì không bồi thường, hỗ trợ do vượt hạn mức.

Ngày 10-12-2014, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 4841/QĐ-UBND điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 771: Thay đổi diện tích thu hồi từ 42.823m² xuống 40.552,5m² theo đó diện tích đất NTTS ông K không được bồi thường điều chỉnh giảm xuống là 36.474,2m². Ông K đồng ý với diện tích đất điều chỉnh giảm.

Ngày 10-7-2015, UBND thành phố V ban hành Quyết định 3187/QĐ-UBND v/v phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho hộ ông Nguyễn Văn K: Diện tích đất thu hồi 40.552,5m² trong đó bồi thường 4.078,3m² đất (gồm 150m² đất ở và 3.928,3m² đất nông nghiệp); *hỗ trợ toàn bộ cho diện tích 36.474,2m² đất nuôi trồng hải sản vị trí 4, khu vực 3 bằng 01 lần giá đất nông nghiệp theo Bảng giá các loại đất của UBND tỉnh ban hành, theo Văn bản số 1855/UBND-VP ngày 25-3-2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.*

Do đó, nội dung ông K khởi kiện yêu cầu bồi thường 36.474,2m² đất nuôi trồng thủy sản là không có cơ sở giải quyết. Đề nghị Tòa án bác đơn của người khởi kiện.

Tại Bản án sơ thẩm số 23/2020/HC-ST ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định:

Áp dụng Điều 4 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính Phủ.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K đối với “Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 276/QĐ-UBND ngày 18-01-2019 của Chủ tịch UBND thành phố V; Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V phải bồi thường diện tích 36.474,2m² đất NTTS cho ông K theo quy định của pháp luật đất đai”.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 25/6/2020 người khởi kiện ông Nguyễn Văn K kháng cáo toàn bộ bản án.

Ngày 26/6/2020 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ra Quyết định kháng nghị số 359/QĐ-VKS-HC ngày 26/6/2020 đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn K giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm, hủy quyết định số 276/QĐ-UBND, buộc UBND thành phố V bồi thường diện tích 36.242,2m².

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông K trình bày: Số tiền lần 3 ông K mang lên trả cho UBND xã thì xã không nhận tiền nữa nên không thể thanh toán. Ông K sử dụng đất thường xuyên, lâu dài không có tranh chấp nên theo điểm c khoản 1 Điều 100, khoản 1 Điều 4 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 trường hợp ông K được bồi thường. Đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn K

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND Thành phố V: Việc ông K nhận chuyển nhượng thì có trách nhiệm phải thanh toán theo tiến độ hợp đồng đã ký kết, ông K trình bày lần thứ 3 có lên nộp nhưng nhà nước không thu là không có cơ sở. Xí nghiệp có diện tích rất rộng và chuyển nhượng nhiều cho các hộ dân trong có nhiều hộ dân cũng đã đóng đủ tiền chỉ có 5-7 hộ không thanh toán nên không đủ điều kiện bồi thường chỉ được hỗ trợ. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử phúc thẩm vụ án theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung: Theo tài liệu lưu trữ thì ông K thanh toán tiền 2 lần, số tiền còn lại 1.885.000 đồng ông K chưa nộp. Việc chuyển nhượng 14,5ha của ông K thực hiện không đúng Quyết định 492/QĐ-UBND ngày 20/4/1992 của

UBND tỉnh do không thông qua đấu giá và hạn mức giao đất cũng vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 70 Luật đất đai năm 2003 nên UBND thành phố V ban hành quyết định 276 không chấp nhận yêu cầu của ông K là đúng quy định. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh rút toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa phúc thẩm người bị kiện có đơn xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 225 Luật tố tụng hành chính xét xử vắng mặt người bị kiện.

[1.2] Đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quy định tại Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 1 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung vụ án:

Theo Biên bản lập ngày 25-11-1991 của Ủy ban nhân dân xã L v/v “bàn giao đùng khu vực 390ha (từ Rạch Dà thôn II đến ông Lữ thôn 8)”, thì Ủy ban nhân dân xã L đã bàn giao đùng, sang nhượng đùng nuôi trồng thủy sản cho chủ đùng cũ là ông Nguyễn Văn K, thôn 2, tổng diện tích đùng 14,45ha (36.474,2m² nằm trong diện tích này), được ông K xác nhận là đúng với diện tích đùng cũ của ông. Như vậy, thuộc trường hợp “*có giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất trước ngày 15-10-1993*”, theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003.

Theo Hồ sơ địa chính lập năm 1995, ông K kê khai đất NTTS là 157,303m², gồm 05 thửa, tờ bản đồ số 13. Thuộc trường hợp “*có tên trong sổ địa chính*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003.

Đất được sử dụng ổn định, liên tục, không tranh chấp với ai, được Ủy ban nhân dân xã xác nhận.

Đối chiếu theo pháp luật đất đai quy định tại điểm c khoản 1 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 1 Điều 4 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính Phủ, thì toàn bộ diện tích đất nhận chuyển nhượng từ năm 1991 nêu trên của ông K đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận QSD đất, khi thu hồi được bồi thường, hỗ trợ.

Tuy nhiên, diện tích 14,45ha do ông K nhận chuyển nhượng của Xí nghiệp Liên doanh nuôi trồng thủy sản Vũng Tàu từ năm 1991 để nuôi thủy sản với số tiền là 3.575.000 đồng. Nhưng đến nay ông K mới thanh toán được 2 đợt với tổng số tiền 1.690.000 đồng (tương ứng với diện tích 6,8ha), còn đợt 3 số tiền còn lại 1.885.000 đồng chưa thanh toán. Quá trình quản lý, sử dụng đất ông K

được cấp 400m² đất ở và 9.646m² đất nông nghiệp. Khi thực hiện dự án Căn cứ Hải quân năm 2009, Nhà nước đã bồi thường cho ông K diện tích 11ha đất nuôi trồng hải sản là tương ứng với số tiền ông K đã thanh toán.

Đối với diện tích còn lại 36.474,2m² thu hồi cho Dự án Tổ hợp hóa dầu Miền Nam năm 2014 nằm trong tổng số 14,45ha, là ngoài phần diện tích đất ông K đã nộp tiền. Do vậy, Quyết định 1991 thì ông K không được bồi thường với lý do vượt hạn mức nhưng sau đó đã được bổ sung hỗ trợ bằng một lần theo giá đất nông nghiệp ở vị trí số 4, khu vực 3 tại Quyết định số 3187/QĐ-UBND ngày 10/7/2015 của UBND thành phố V là phù hợp theo chỉ đạo tại Văn bản số 1855/UBND-VP ngày 25-3-2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Trong quá trình giải quyết khiếu nại của ông K, UBND thành phố V 2 lần ban hành quyết định giải quyết khiếu nại có quan điểm trái ngược nhau là do việc rà soát lại nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng đất. Khi có tài liệu xác định việc chuyển nhượng 14,5ha đất dùng của ông K thực hiện không đúng Quyết định 492/QĐ-UBND ngày 20/4/1992 của UBND tỉnh do không thông qua đấu giá và hạn mức giao đất cũng vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 70 Luật đất đai năm 2003 nên UBND thành phố V ban hành quyết định 276 không chấp nhận yêu cầu của ông K là đúng quy định. Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K là có căn cứ.

Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất theo quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, không chấp nhận kháng cáo của ông K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do ông K là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 3 Điều 218, khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị số 359/QĐ-VKS-HC ngày 26/6/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn K; giữ nguyên quyết định Bản án hành chính sơ thẩm:

Áp dụng Điều 4 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính Phủ.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K đối với “Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 276/QĐ-UBND ngày 18-01-2019 của Chủ

tịch UBND thành phố V; Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V phải bồi thường diện tích 36.474,2m² đất NTTS cho ông K theo quy định của pháp luật đất đai”.

2. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn K được miễn án phí

Bản án có hiệu lực kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Dương sự;
- Lưu: HS, VP. (16)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Huyền Vân